TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** –	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** * * * * * * * * * *

Bản án số: 14/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 12/10/2017
(v/v:Tranh chấp hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*** **:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Hiến- Cán bộ hưu trí thị trấn M, huyên G.

2. Ông Đinh Duy Quyết- Cán bộ hưu trí xã G, huyện G.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Đoàn Thanh Minh- Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Trong ngày 12 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2017/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐST – HNGĐ, ngày 29 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

NGUYÊN ĐƠN : Chị Đinh Thị T, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn C, xã G, huyện G, tỉnh N.

Hiện đang ở tại địa chỉ: Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N - Có mặt.

BỊ ĐƠN : Anh Vũ Như N, sinh năm 1974; trú tại: Thôn C, xã G, huyện G, tỉnh N- Vắng mặt(có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 23/8/2017 của nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bầy: Chị và anh Vũ Như N được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau vào ngày 02/9/1997 tại UBND xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại thôn C, xã G. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N không tu chí làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, chơi cờ bạc không quan tâm gì đến gia đình, vợ con, luôn có những lời nói xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự của chị và gia đình chị. Chị đã cố gắng nhẫn nhịn để khuyên bảo nhưng anh N không sửa chữa mà ngày càng quá hơn khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm rạn nứt. Đến tháng 6/2017, mâu thuẫn vợ chồng chị đã thật sự trầm trọng nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn V, xã G, huyện G ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm, quan hệ gì với nhau nữa. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng chị không thể khắc phục được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị được ly hôn với anh Vũ Như N.

Về con chung: vợ chồng chị có với nhau hai con chung là các cháu Vũ Văn L, sinh ngày 19/7/1998 và cháu Vũ Như G, sinh ngày 21/11/2000. Đối với cháu L hiện nay đã trên 18 tuổi và tự lập được nên việc ở với ai là quyền của cháu, chị T không đề nghị giải quyết. Đối với cháu G, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G sau khi ly hôn và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản và công nợ chung: Khi khởi kiện chị Đinh Thị T kê khai vợ chồng có các tài sản chung là 100m2 nhà mái bằng và 25m2 nhà bếp xây dựng trên đất của bố mẹ đẻ anh N tại thôn C, xã G. Vợ chồng không có công nợ chung và chị đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung theo quy định của pháp luật. Đến ngày 18/9/2017 chị T đã làm đơn xin rút yêu cầu giải quyết việc phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 29/9/2017, bị đơn anh Vũ Như N trình bầy: anh và chị Đinh Thị T được tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G vào năm 1997. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn C, xã G. Đến năm 2006 thì chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và đến năm 2016 thì chị T về nước. Sau khi chị T về nước thì do thời gian vợ chồng xa cách lâu ngày, đồng thời do chị T có biểu hiện quan hệ trai gái không lành mạnh nên anh đã chửi bới, xúc phạm chị T làm cho mâu thuẫn vợ chồng anh trở nên nặng nề và chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã G để ở từ tháng 5/2017, kể từ đó đến nay vợ chồng anh sống ly thân. Anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: anh N xác định vợ chồng anh có với nhau hai con chung là các cháu Vũ Văn L, sinh ngày 19/7/1998 và cháu Vũ Như G, sinh ngày 21/11/2000. Hiện cháu L đang ở với chị T còn cháu G đang ở với anh. Khi ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu G còn cháu L để chị T nuôi. Anh N không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung anh N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/9/2017, cháu Vũ Như G muốn được tiếp tục ở với anh N khi chị T và anh N ly hôn với nhau.

Tại phiên tòa, chị T thừa nhận do chị đi xuất khẩu lao động quá lâu từ năm 2006 đến năm 2016 về nước. Thời gian ở nước ngoài lại ít về thăm nhà nên cũng làm tình cảm vợ chồng phai nhạt, đến năm 2016 về nước thì đúng là chồng chị có ghen tuông vô cớ, nhiều lần đánh đập chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh N, còn về phần con chị đồng ý để cháu G cho anh N nuôi dưỡng theo như nguyện vọng của cháu G, giữ nguyên quan điểm xin rút yêu cầu phân chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sauk hi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, nghiên cứu thẩm tra tại phiên họp. Các kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân giữa chị Đinh Thị T và anh Vũ Như N là hoàn toàn hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống tại thôn C, xã G, huyện G. Vợ chồng đã chung sống hạnh phúc một thời gian khá dài. Đến năm 2006 do kinh tế khó khăn chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan mãi đến năm 2016 mới về nước. Trong thời gian lao động ở nước ngoài, chị T ít về thăm gia đình nên đã làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Đến năm 2016 chị T về nước nhưng hai vợ chồng lại không tìm được tiếng nói chung, anh N đã nghi ngờ, ghen tuông vô cớ dẫn đến chửi bới xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự của chị T khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nặng nề nên tháng 6/2017 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn V, xã G, huyện G để sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh Vũ Như N mặc dù được Tòa án triệu tập lên làm việc nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để làm việc, nhưng có bản tự khai của mình anh N khẳng định vợ chồng anh đến nay mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Do đó có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đinh Thị T và anh Vũ Như N đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị T xử cho chị được ly hôn vắng mặt anh Vũ Như N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Đinh Thị T và anh Vũ Như N có với nhau hai con chung là các cháu Vũ Văn L, sinh ngưày 19/7/1998 và cháu Vũ Như G, sinh ngày 21/11/2000. Đối với cháu L hiện nay trên 18 tuổi, đã tự lập được nên không xem xét giải quyết. Cháu Vũ Như G hiện nay đang ở cùng anh N và nguyện vọng của cháu G muốn tiếp tục được ở với anh N khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy yêu cầu của anh N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu G phù hợp với nguyện vọng của cháu G, phù

hợp với quan điểm của chị T tại phiên tòa nên cần chấp nhận yêu cầu của anh N là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, anh N không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung là ý chí tự nguyện của anh N nên không buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung là thỏa đáng.

Về quan hệ tài sản chung: Do trước khi mở phiên tòa, chị T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên quan điểm này. Anh N cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng nên cần đình chỉ yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản chung.

Về án phí: Chị Đinh Thị T phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật, hoàn lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản cho chị T.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên

Quyết Định

Áp dụng Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 228Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 3 Điều 18, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. **Xử:** Cho chị Đinh Thị T được ly hôn vắng mặt anh Vũ Như N.

2. **Về con chung:** Giao cháu Vũ Như G, sinh ngày 21/11/2000 cho anh Vũ Như N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Chị Đinh Thị T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung: Đình chỉ giải quyết phân chia tài sản chung của anh Vũ Như N và chị Đinh Thị T. Anh Vũ Như N và chị Đinh Thị T có quyền khởi kiện phân chia tài sản chung sau khi ly hôn thành vụ kiện riêng.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Đinh Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp. Án phí chia tài sản chị T không phải nộp. Hoàn lại cho chị T 2.700.000 đồng (***Hai triệu bảy trăm nghìn đồng)*** tiền tạm ứng án phí đã nộptheo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/04065, ngày 18/8/2017 tại Chi cụ Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện G;
- Thi hành án;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Nguyễn Hữu Quốc